

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG VĂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 6 năm 2021
V/v: “ ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng Mí Chớ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Văn
2. Bà Lương Thị Nhiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Châu Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cương - Kiểm sát viên.

Vào hồi 8 giờ 00 ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12 /2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Sùng Thị K** - Sinh năm: 1976; Địa chỉ: Thôn Sáo Lũng, xã Phố Cáo, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: Mông. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh **Vàng Súa N** - Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn Sáo Lũng, xã Phố Cáo, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: Mông. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người phiên dịch: Ông Giàng Mí M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2021, cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Sùng Thị K trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là anh Vàng Súa N tự nguyện chung sống với nhau tại Thôn Sáo Lũng, xã Phố Cáo, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang từ tháng

02 năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh N không quan tâm đến gia đình, thường xuyên lấy tiền chung của vợ chồng đi tiêu sài cho mục đích của bản thân dẫn đến thường xuyên cãi cọ nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không thành. Kể từ tháng 09/2018 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có ba con chung là cháu Vàng Mí S (sinh ngày 16/01/2001), cháu Vàng Thị D (sinh ngày 20/02/2007), cháu Vàng Mí T (sinh ngày 07/3/2011). Nay cháu Vàng Mí S đã trên 18 tuổi nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Vàng Thị D và Vàng Mí T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị và anh N tự thỏa thuận phân chia về tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Vàng Súa N có đơn xin xét xử vắng mặt, theo văn bản trình bày ý kiến ngày 05/5/2021, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 17/5/2021, bị đơn Vàng Súa N trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị Sùng Thị K về việc vợ chồng anh tự nguyện chung sống nhưng không đăng ký kết hôn vào tháng 02 năm 1997; về quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn và thời điểm sống ly thân. Nay chị K xin ly hôn, anh nhất trí vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh có ba con chung như chị K khai là đúng, sau khi ly hôn anh nhất trí giao 02 cháu Vàng Mí T và Vàng Thị D cho chị K nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, do không có điều kiện nên anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh và chị K tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ,

tổng đạt các văn bản, quyết định tố tụng cho đương sự đầy đủ; quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn, quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự, thành phần Hội đồng xét xử đúng như đã nêu tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Thẩm phán chủ tọa phiên tòa điều hành trình tự, thủ tục tranh tụng đúng quy định tại Điều 249 và Điều 260 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 227 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Sùng Thị K và anh Vàng Súa N; Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Vàng Thị D, sinh ngày 20-2-2007 và cháu Vàng Mí T, sinh ngày 07-3-2011 cho chị Sùng Thị K, Địa chỉ: Thôn Séo Lũng, xã Phố Cáo, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở quyền này; Về tài sản, công nợ chung: Chị K và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Sùng Thị K về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Vàng Súa N được Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Tại phiên tòa, bị đơn Vàng Súa N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị K và anh Vàng Súa N chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 2 năm 1997, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (*theo Biên bản xác minh ngày 06/5/2021 tại UBND xã Phố Cáo, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang*). Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh N không quan tâm đến gia đình, thường xuyên lấy tiền chung của vợ chồng đi tiêu sài cho mục đích của bản thân dẫn đến thường xuyên cãi cọ nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không thành. Kể từ tháng 09/2018 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị K đã làm đơn đề nghị xin ly hôn với anh N, anh N nhất trí ly hôn với chị K. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị K và anh Vàng Súa N.

[3]. Về con chung: Chị K và anh N cùng xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có ba con chung là cháu Vàng Mí S (sinh ngày 16/01/2001), cháu Vàng Thị D (sinh ngày 20/02/2007), cháu Vàng Mí T (sinh ngày 07/3/2011). Nay cháu Vàng Mí S đã trên 18 tuổi nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với hai cháu Vàng Mí T, Vàng Thị D thì anh chị thống nhất giao cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi đủ 18 tuổi. Thỏa thuận nuôi con chung này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu là muốn được ở với mẹ (*thể hiện trong đơn trình bày nguyện vọng của hai cháu ngày 06/5/2021*). Căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Vàng Thị D, sinh ngày 20-2-2007 và cháu Vàng Mí T, sinh ngày 07-3-2011 cho chị Sùng Thị K, Địa chỉ: Thôn Sáo Lũng, xã Phố Cáo, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở quyền này

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị K và anh N tự thỏa thuận phân chia về tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Sùng Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị K và anh Vàng Súa N.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Vàng Mí T, sinh ngày 07-3-2011 và cháu Vàng Thị D, sinh ngày 20-2-2007 cho chị Sùng Thị K, địa chỉ: thôn Sáo Lũng, xã Phố Cáo, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí : Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị K.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Điều kiện thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Đồng Văn;
- THA dân sự huyện Đồng Văn ;
- UBND xã Phố Cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Giàng Mí Chớ

